

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ GIA TỰ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK SONG - 2023

Số: 11 /BC-NGT

Đắk Môt, ngày 17 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trần Đăng Quân	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Trịnh Thị Hằng Nga	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Nguyễn Thị Dung	Chủ tịch BCH công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
5	Đặng Thị Vui	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Ủy viên Hội đồng	
6	Trần Đình Cương	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Lan	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
9	Vũ Thị Xưa	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
10	Nguyễn Thị Cam	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
11	Lê Thị Thu Thủy	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
12	Nguyễn Thị Thu Hà	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

13	Nguyễn Thị Xuyên	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
14	Trần Thị Nga	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
15	Hoàng Thị Lan	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
16	Lê Thị Thắng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
17	Trần Thị Vân	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
18	Lê Thuý Hằng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
19	Hoàng Thị Thuỳ Trang	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
20	Nguyễn Thị Uyên My	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
21	Nguyễn Thị Phương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
22	Phan Thị Bích	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
23	Trần Thị Hoa	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
24	Nguyễn Thị Minh Trang	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
25	Lương Thị Thu Hà	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
26	Hồ Thị Mai	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
27	Phạm Thị Tâm	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
28	Trần Huy Hoàng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
29	Doãn Huy Hùng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
30	Phạm Thị Thu Hoài	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
31	Hồ Thị Hoa	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
32	Vũ Thị Nguyệt	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
33	Đỗ Đăng Công Hoàng	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
34	Trần Thị Thanh Hương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
35	Lê Văn Bình	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
36	Nguyễn Thị Kim Trang	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	16
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	16
Tiêu chuẩn 1	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1	17
Tiêu chí 1.2	18
Tiêu chí 1.3	19
Tiêu chí 1.4	21
Tiêu chí 1.5	22
Tiêu chí 1.6	23
Tiêu chí 1.7	24
Tiêu chí 1.8	25
Tiêu chí 1.9	26
Tiêu chí 1.10	27
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	29
Tiêu chuẩn 2	29

Mở đầu	29
Tiêu chí 2.1	30
Tiêu chí 2.2	31
Tiêu chí 2.3	33
Tiêu chí 2.4	34
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	35
Tiêu chuẩn 3	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 3.1	37
Tiêu chí 3.2	38
Tiêu chí 3.3	39
Tiêu chí 3.4	40
Tiêu chí 3.5	42
Tiêu chí 3.6	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	44
Tiêu chuẩn 4	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 4.1	46
Tiêu chí 4.2	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	48
Tiêu chuẩn 5	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 5.1	50
Tiêu chí 5.2	51
Tiêu chí 5.3	53

Tiêu chí 5.4	54
Tiêu chí 5.5	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	56
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	56
Tiêu chí 1	56
Tiêu chí 2	57
Tiêu chí 3	57
Tiêu chí 4	57
Tiêu chí 5	58
<i>Kết luận</i>	58
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	59
Phần IV. PHỤ LỤC	61

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	Ban ĐDCMHS	Ban đại diện cha mẹ học sinh
3	BGH	Ban giám hiệu
4	CB	Cán bộ
5	CBQL	Cán bộ quản lý
6	GD&ĐT	Giao dục và Đào tạo
7	GV	Giáo viên
8	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
9	HĐND	Hội đồng nhân dân
10	HS	học sinh
11	HT	Hiệu trưởng
12	NV	Nhân viên
13	PHT	Phó hiệu trưởng
14	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
15	TH	Tiểu học
16	TNCS	Thanh niên cộng sản
17	TNTP	Thiếu niên tiên phong
18	TPT	Tổng phụ trách
19	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	✓
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	

Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	✓
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ GIA TỰ

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Đắk Song
Xã / phường/thị trấn	Xã Đắk Mól
Đạt CQG	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1984
Công lập	√
Tư thục	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Trần Đăng Quân
Điện thoại	0965599980
Fax	
Website	
Số điểm trường	3
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 1	3	5	5	5	5
Khối lớp 2	3	5	5	5	5
Khối lớp 3	3	5	5	5	4
Khối lớp 4	2	5	5	4	4
Khối lớp 5	3	4	4	3	4

Cộng	14	24	24	22	22
-------------	----	----	----	----	----

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	15	24	24	26	29	
1	Phòng học	15	21	21	21	22	
a	Phòng kiên cố	12	12	12	12	16	
b	Phòng bán kiên cố	3	9	9	9	6	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	0	0	0	2	6	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	2	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	2	4	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

3	Khối phục vụ học tập	1	0	0	0	1	
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	1	
b	Phòng bán kiên cố	1	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	2	2	2	2	4	
1	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	4	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	0	0	0	0	1	
	Cộng	19	24	24	26	29	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	2	0	
Giáo viên	32	26	1	9	23	0	
Nhân viên	3	2	0	0	2	1	
Cộng	38	29	1	9	28	1	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

T	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	22	35	35	32	32
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1.5	1.5	1.5	1.45	1.41
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.058	0.063	0.06	0.08	0.05
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	10	15	15	15	17
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	6	6	6	6	6

6	Các số liệu khác (nếu có)					
---	------------------------------	--	--	--	--	--

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	370	556	568	572	593	
	- Nữ	181	253	261	263	265	
	- Dân tộc	343	420	451	440	461	
	- Khối lớp 1	86	128	128	116	129	
	- Khối lớp 2	72	120	120	131	121	
	- Khối lớp 3	71	106	114	113	120	
	- Khối lớp 4	64	105	102	115	108	
	- Khối lớp 5	77	97	104	97	115	
2	Tổng số tuyển mới	82	86	122	110	121	
3	Học 2 buổi/ngày	370	383	128	504	370	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	45	31	32	34	
6	Bình quân số học sinh/lớp	27	23	23.6	26	26.9	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Nữ	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Dân tộc thiểu số	100%	100%	100%	100%	100%	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	0	0	0	0	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	68	97	88	66	154	
	- Nữ	36	49	44	30	69	

	- Dân tộc thiểu số	68	97	88	66	139	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100	100	100	100	100	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	97	97	97	97		
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	95	95	95	95		
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	100	100	100		

Phần II**TỰ ĐÁNH GIÁ****A. ĐẶT VẤN ĐỀ****1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường tiểu học Ngô Gia Tự thuộc địa bàn bon A3, xã Đăk Mól, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Theo Quyết định số 108/QĐ-UB ngày 10 tháng 6 năm 1984 của Chủ tịch UBND huyện Đăk Mól trường mang tên trường Trung học cơ sở và tiểu học Ngô Gia Tự. Năm 1988 được chia tách và lấy tên là trường tiểu học Ngô Gia Tự được theo Quyết định số 57/QĐ-SGD ngày 20 tháng 02 năm 1998 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đăk Lăk. Ngày 13/12/2019 trường tiểu học Trần Bội Cơ và trường tiểu học Ngô Gia Tự được sáp nhập thành Trường Tiểu học Ngô Gia Tự Theo Quyết Định số 1775/QĐ-UBND của UBND huyện Đăk Song.

Trường Tiểu học Ngô Gia Tự thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, UBND huyện Đăk Song, của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Song; Đảng ủy, HĐND, UBND xã Đăk Mól thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học trên địa bàn xã Đăk Mól. Trường có Chi bộ độc lập nên thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát các hoạt động dạy và học trong nhà trường một cách có hiệu quả. Qua 39 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm của các cấp quản lý, sự nỗ lực của tập thể hội đồng sư phạm, Trường Tiểu học Ngô Gia Tự luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hiện nay, trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức với: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi đoàn thanh niên cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh, Đội thiếu niên tiền phong (TNTP) Hồ Chí Minh, Hội đồng trường và các Hội đồng khác, ngoài ra còn có các tổ chức xã hội như Ban Đại diện cha mẹ học sinh (Ban ĐDCMHS), Hội khuyến học, ... Với đặc điểm về đội ngũ và điều kiện nhà trường, năm học 2022 - 2023 trường thành lập 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn theo quy định.

Năm học 2022 - 2023, nhà trường có 36 cán bộ (CB), giáo viên (GV), nhân viên (NV) hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Trong đó: 03 cán bộ quản lý (CBQL), 32 GV, 03 NV. Đội ngũ viên chức khá đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện nhà trường. Tuy nhiên khả năng tin học, ngoại ngữ của một số GV còn chưa cao; khả năng dạy học phát huy năng lực phẩm chất người học ở GV chưa đồng đều. Toàn trường có 22 lớp với 593 học sinh (HS). Khối Một có 5 lớp với 129 HS; khối Hai có 5 lớp với 121 HS; khối Ba có 4 lớp với 120 HS; khối Bốn có 4 lớp với 108 HS; khối Năm có 4 lớp với 115 HS. Trong đó HS dân tộc: 461, HS diện chính sách: 154.

Nhà trường luôn tham gia đầy đủ các phong trào, hội thi, giao lưu dành cho GV, HS do các cấp tổ chức.

Về cơ sở vật chất (CSVC): Trường có 03 điểm trường, tổng diện tích đất 14.289 m² (bình quân 25.15m²/học sinh, đạt yêu cầu chất lượng chuẩn); các công trình xây dựng tương đối hợp lý, thuận lợi cho việc quy hoạch, phát triển nhà trường.

Năm học 2022 - 2023 trường gồm: Tổng toàn trường hiện đưa vào sử dụng 30 phòng, phòng kiên cố là 18, bán kiên cố là 12. Trong đó trung tâm 18 phòng kiên cố, 15

phòng học, 03 phòng bộ môn và phòng thiết bị, thư viện, phòng truyền thống - Đội thiếu niên tiên phong.; Khối hành chính quản trị có 04 phòng (Phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, phòng tài vụ, văn phòng); khu vệ sinh giáo viên (riêng nam và nữ), nhà xe giáo viên. Các công trình, khối phòng chức năng khác gồm: Nhà đa năng, phòng bảo vệ, nhà vệ sinh giáo viên, học sinh. Sân chung để tổ chức các hoạt động đang được trồng bổ sung cây bóng mát. Phân hiệu 1 gồm 8 phòng bán kiên cố, trong đó 05 phòng học, 03 phòng bộ môn (Âm nhạc, Tiếng Anh, Mỹ thuật); ngoài ra còn có 02 phòng trực và làm việc của ban giám hiệu, 1 phòng thư viện - thiết bị; có 2 khu nhà vệ sinh, 1 nhà dành cho giáo viên, 1 nhà dành cho học sinh. Khuôn viên cây xanh đảm bảo cảnh quan, có nhà giáo dục thể chất và nhà bảo vệ. Phân hiệu 2 có 4 phòng học bán kiên cố, 01 khu nội trú có phòng riêng cho học sinh nam và nữ, có công trình vệ sinh, nước giếng khoan. Hạ tầng kỹ thuật: có hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống nước lọc đảm bảo nhu cầu sử dụng; có hệ thống thoát nước và thu gom rác thải đảm bảo; hệ thống điện đảm bảo công suất; hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: có mạng Internet được kết nối tại trung tâm và phân hiệu 1. Thiết bị dạy học đáp ứng đáp ứng cơ bản nhu cầu dạy học với thiết bị tối thiểu theo quy định và một số thiết bị hiện đại được đầu tư trang bị thêm.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của các ban ngành, đoàn thể tại địa phương phối kết hợp cùng đơn vị thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục; công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, công tác huy động, vận động học sinh ra lớp, chăm sóc và giáo dục HS trên địa bàn đạt hiệu quả.

Là trường nằm trên địa bàn Xã Đăk Mól. Phần lớn học sinh thuộc các thôn, bon của xã Đăk Mól, trong đó có 32 em thuộc Đăk Rồ. Mặt bằng dân trí còn thấp; phần lớn phụ huynh (PH) làm nông nghiệp, điều kiện kinh tế của nhiều PH còn khó khăn. Một số phụ huynh thường xuyên đi nương, rẫy cả tuần mới về, việc quản lý và giáo dục HS tại nhà còn chưa hiệu quả, thiếu sự phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục. Công tác tuyển sinh và duy trì sĩ số gặp nhiều khó khăn hơn các trường lân cận, thầy cô thường xuyên phải vào tận ngõ, gõ tận nhà để động viên học sinh đến lớp và đi học chuyên cần.

Từ những đặc điểm trên, quá trình tổ chức xây dựng và cải tiến chất lượng của nhà trường có những thuận lợi, khó khăn sau:

* Thuận lợi:

Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương, của ngành giáo dục đào tạo; sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, Ban ĐDCMHS, ... Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của xã Đăk Mól tạo cơ hội cho nhà trường được nhà nước đầu tư đầy đủ về cơ sở vật chất, tạo ra môi trường dạy học tốt, thuận lợi trong việc phấn đấu thực hiện nhiệm vụ xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực đáp ứng nhiệm vụ quản lý và dạy học. Có khả năng lập và tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với thực tiễn nhà trường. Chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo ngày càng được cải thiện, dần mang tính phát triển ổn định. Các lĩnh vực khác về tổ chức quản lý tài chính, kiểm tra nội bộ - thi đua, Công đoàn, Chi đoàn, Đội Thiếu niên trong nhà trường hoạt động tích cực và hiệu quả.

Những năm gần đây phụ huynh học sinh dần ý thức được việc học tập và giáo dục con cái, có sự quan tâm sát sao hơn, góp phần cùng nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

*** Khó khăn**

Trường có 03 điểm trường, trong đó 02 điểm trường phân hiệu có quy mô nhỏ lẻ nên công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hiệu quả chưa cao. Một số phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến các hoạt động của trường. Công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường vẫn còn hạn chế. Việc huy động sự đầu tư, đóng góp của các cá nhân, lực lượng xã hội, phụ huynh để tu sửa nhỏ, phục vụ các hoạt động giáo dục học sinh chưa nhiều.

Mặt bằng dân trí chưa cao, chưa đồng đều; một số phụ huynh có phương pháp quản lý và giáo dục học sinh tại nhà chưa hiệu quả, thiếu sự phối hợp với nhà trường.

Trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên còn chưa cao. Các thiết bị, phương tiện dạy học hiện đại của nhà trường còn hạn chế.

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/08/2018 ban hành quy định về kiểm định chất lượng (KĐCL) giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Ngô Gia Tự tổ chức tự đánh giá tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt Mức độ 1 trường Chuẩn quốc gia.

2. Mục đích TĐG

Tự đánh giá chất lượng phản ánh thực trạng chất lượng của nhà trường nhằm có được chất lượng giáo dục bền vững theo yêu cầu của sự phát triển xã hội, đảm bảo theo hướng dẫn tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và để đăng kí KĐCL giáo dục.

Bản báo cáo tự đánh giá này là sự cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng của nhà trường, mang lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục cho chỉ tiêu và kế hoạch đã đề ra.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

a) Quy trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện đúng quy định Bộ giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn, theo 07 bước:

Quy trình tự đánh giá của trường tiểu học gồm các bước sau:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học. Ngày 03/01/2023 Hiệu trưởng trường Tiểu học Ngô Gia Tự ra quyết định số: 01/QĐ-NGT kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục do ông Trần Đăng Quân làm Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng tự đánh giá đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quá trình đánh giá

phân công cụ thể công việc, trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng.

Từ tháng 10/2021 đến cuối tháng 02/2023 các thành viên trong Hội đồng thu thập các thông tin và tài liệu có liên quan đến tiêu chí do mình phụ trách.

Tháng 03/2023, Hội đồng hoàn thành việc đánh giá các chỉ số của từng tiêu chí tập hợp thành bộ tiêu chí quản lý chất lượng, công bố bộ tiêu chí để lấy ý kiến đóng góp toàn Hội đồng Tự đánh giá. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên Hội đồng tự đánh giá tiếp tục hoàn thiện tự đánh giá các tiêu chí. Đến giữa tháng 03/2023, nhà trường hoàn thành Báo cáo tự đánh giá trình Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Song xem xét.

b) Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo chính xác, thuận lợi và có hiệu quả, Hội đồng TĐG của trường đã xác định rõ các nguồn nhân lực, CSVC, ... tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp trong đó chủ yếu là phương pháp khảo sát thực tế tất cả các hoạt động của nhà trường, thu thập minh chứng, phân tích, so sánh, ... các dữ liệu có liên quan.

c) Điểm nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Các thành viên trong nhà trường Hội đồng tự đánh giá tham gia đánh giá một cách khách quan, khoa học quá trình tổ chức, thực hiện nhiệm vụ của bản thân, của nhà trường.

Trong quá trình làm việc một số vấn đề nảy sinh như thời gian phối hợp nhiệm vụ giữa các thành viên chưa thuận lợi.

Bằng sự nỗ lực, quyết tâm và trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tự đánh giá, bản báo cáo tự đánh giá của trường là sự tập trung trí tuệ cao của tập thể Trường Tiểu học Ngô Gia Tự, đã đánh dấu bước quan trọng trong sự nghiệp phát triển giáo dục của nhà trường và địa phương.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Tiểu học Ngô Gia Tự đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019 - 2025 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách và hoạt động của BGH cũng như toàn thể CB, GV, NV và HS của nhà trường.

Nhà trường đã có hệ thống các quy định, quy chế nhằm thể chế hoá các tổ chức và hoạt động của mình. Trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức theo quy định, được quản lý chặt chẽ, khoa học, thủ tục thành lập bộ máy nhà trường theo đúng Điều lệ trường TH và quy định của Bộ GD&ĐT. Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập đầy đủ và hoạt động có hiệu quả. Trường có chi bộ sinh hoạt độc lập hiện tại gồm có 18 đảng viên, chi bộ lãnh đạo nhà trường và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Các tổ chuyên môn của trường hoạt động nền nếp, tổ chức sinh hoạt theo quy định và chú trọng sinh hoạt chuyên môn theo hướng đổi mới nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Tổ Văn phòng hằng năm thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định. Lãnh đạo nhà trường phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên để quản lý và triển khai các hoạt động giáo dục cho học sinh một cách khoa học để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường. Quy chế dân chủ trong nhà trường luôn được xây dựng và củng cố, tập hợp trí tuệ tập thể xây dựng

nhà trường ngày càng vững mạnh. Trong quá trình hoạt động, các loại hồ sơ nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học. Hàng năm nhà trường triển khai một cách thường xuyên, hiệu quả công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên. Việc kiểm tra giám sát các quy định, quy chế, quyền hạn trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân thực hiện thường xuyên. Trường luôn chú trọng và có đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; phòng chống cháy nổ; phòng chống bạo lực học đường, ... giúp xây dựng môi trường giáo dục trong nhà trường được an toàn, lành mạnh, giúp giáo viên và học sinh yên tâm dạy và học. Nhiều năm liền trường được công nhận Tập thể Lao động Tiên tiến, các đoàn thể được xếp loại từ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;
- b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2025 tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng và triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục (điều 29 Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2019); phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01], [H1-1.1-02].

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được cấp có thẩm quyền phê duyệt [H1-1.1-01].

Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường [H1-1.1-01].

Mức 2:

Nhà trường đã triển khai thực hiện các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01], [H1-1.1-02].

Mức 3: Hàng năm, nhà trường tổ chức đánh giá thực hiện chiến lược và điều chỉnh, bổ sung chiến lược với sự tham gia của thành viên Hội đồng trường, đội ngũ quản lí, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức được các hình thức tham gia

góp ý kiến xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường thông qua nhóm zalo, messenger để tạo thuận lợi cho việc tham gia góp ý kiến của phụ huynh và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường.

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Phòng GD&ĐT phê duyệt, được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường. Hội đồng trường đã xây dựng và thực hiện các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức được các hình thức cho phụ huynh và cộng đồng tham gia đánh giá, bổ sung, điều chỉnh Chiến lược phát triển giáo dục của đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục huy động sự tham gia của các bên có liên quan, đồng thời đa dạng hình thức tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cha mẹ HS và cộng đồng thông qua các nhóm zalo, facebook của nhà trường, thông qua ban đại diện Hội phụ huynh của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn tâm lý và các hội đồng khác được thành lập theo quy định [H1-1.2-01], [H1-1.2-02], [H1-1.2-03].

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn tâm lý và các Hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học kèm theo Thông tư 28/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-04], [H1-1.2-05].

Các hoạt động của các Hội đồng được định kỳ rà soát, đánh giá thông qua các phiên họp Hội đồng trường định kỳ (3 lần/năm) [H1-1.2-04], [H1-1.2-05].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn tâm lý và các Hội đồng khác, ... góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-04], [H1-1.2-05]. Tuy nhiên, một số thành viên trong Hội đồng trường hoạt động chưa được đều tay.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn tâm lý và các Hội đồng khác,... được thành lập theo quy định; thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định; các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá; hoạt động hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Do chưa được tập huấn cấp trên nên kinh nghiệm trong tổ chức phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục của tổ tư vấn tâm lý chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu cấp trên mở lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho Hội đồng tư vấn tâm lý, đồng thời chủ động tổ chức cho các thành viên nghiên cứu kỹ Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT, ngày 18/12/2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông và các văn bản liên quan trong năm học 2022-2023.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đến thời điểm đánh giá nhà trường có các tổ chức: Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh. Công đoàn nhà trường có cơ cấu tổ chức quy định tại điều lệ Công đoàn Việt Nam. Tổng số công đoàn viên là 38 người. Ban chấp hành Công đoàn có Quyết định chuẩn y của Liên đoàn lao động huyện gồm 03 người trong đó có 01 Chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 01 ủy viên [H1-1.3-02]. Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh gồm có 7 đoàn viên là giáo viên, cơ cấu Ban Chấp hành 02 đồng chí [H1-1.3-03]. Liên đội TNTP Hồ Chí Minh gồm 223 đội viên chia làm 8 chi đội và 370 sao nhi đồng/14 lớp Nhi đồng hoạt

động theo chỉ huy của Ban Chỉ huy Liên Đội gồm 15 đội viên [H1-1.3-04].

Tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh; Sao Nhi đồng đã hoạt động đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục trong từng năm học [H1-1.3-05], [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08].

Hằng năm các tổ chức đều thực hiện tổng kết, báo cáo đánh giá những kết quả đạt được, nhìn nhận những tồn tại và hạn chế, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra phương hướng hoạt động tốt hơn cho nhiệm kỳ tiếp theo [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08].

Mức 2:

Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 tổ chức Chi bộ Đảng [H1-1.3-01]. Chi bộ trường TH Ngô Gia Tự được sát nhập hai Chi bộ trường TH Trần Bội Cơ vào tháng 12/2019 và được lấy tên là Chi bộ trường TH Ngô Gia Tự. Chi bộ trường được thành lập đúng theo Điều 58 của Luật Giáo dục năm 2019 về tổ chức Đảng trong nhà trường và hoạt động đúng theo Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam. Chi bộ hiện có 18 đảng viên trên tổng số 36 CB, GV, NV, chiếm tỉ lệ 50%. Cơ cấu tổ chức của chi bộ gồm có 03 đồng chí cấp ủy (01 bí thư chi bộ, 01 phó bí thư, 01 chi ủy viên) và các đảng viên, thực hiện sinh hoạt chi bộ định kỳ (11 lần/tháng) nhằm xây dựng nghị quyết thực hiện nhiệm vụ, họp đánh giá xếp loại đảng viên (1 lần/năm). Từ năm 2018 đến 2022 Chi bộ đều được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-07], [H1-1.3-08].

Các đoàn thể và các tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và ngoài nhà trường. Cụ thể: Chi bộ có đảng viên tham gia giúp đỡ hộ nghèo trong buôn với hình thức: hỗ trợ nuôi trồng, sản xuất, ... Công đoàn thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống, đại diện bảo vệ lợi ích chính đáng của CB, GV, NV và người lao động trong nhà trường, tham gia quản lý, xây dựng văn hóa nhà trường, thực hiện hiệu quả công tác xã hội, vận động ủng hộ đóng góp các loại quỹ như tết vì người nghèo, chất độc màu da cam, ủng hộ lũ lụt ... vận động công đoàn viên tích cực tham gia hiến máu nhân đạo. Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên thường xuyên thực hiện tốt vai trò giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, trang bị kỹ năng cho thanh thiếu niên, nhi đồng. Phối kết hợp tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, phát động các phong trào thi đua tuần học tốt, giáo dục an toàn giao thông, giữ gìn vệ sinh, môi trường, phòng chống bạo lực học đường... [H1-1.3-06], [H1-1.3-07], [H1-1.3-08].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính từ năm 2018 đến 2022 chi bộ nhà trường luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Không có năm nào đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ [H1-1.3-07].

2. Điểm mạnh

Chi bộ, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định; hoạt động theo quy định; hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Việc huy động đoàn viên tham gia một số hoạt động cộng đồng tại địa phương của

các đoàn thể còn khó khăn do hạn chế về thời gian.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các tổ chức đoàn thể tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được; tăng cường công tác phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể tại địa phương để thực hiện các hoạt động, phong trào mang lại lợi ích cho cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường hiện có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng. Số lượng đủ theo quy định [H1-1.4-01].

Tại thời điểm đánh giá trường có 05 tổ khối chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Mỗi tổ chuyên môn có 07 thành viên và 01 tổ văn phòng có 03 thành viên. Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định [H1-1.4-02], [H1-1.4-03].

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng theo năm học, tháng, tuần, ... nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường [H1-1.4-04], [H1-1.4-05].

Mức 2:

Mỗi năm tổ chuyên môn đều tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề để xây dựng các nội dung dạy học, có nội dung sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, tìm hiểu chương trình phổ thông 2018, ...[H1-1.4-04].

Căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ năm học, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần nhằm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra. Kế hoạch của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.4-04], [H1-1.4-05].

Mức 3: Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong

việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, do số lượng công việc nhiều, vị trí nhân viên phải kiêm nhiệm nhiều việc nên đôi lúc tiến độ thực hiện nhiệm vụ của tổ văn phòng còn chưa kịp thời.

Với các chuyên đề sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học, các tổ chuyên môn đã đề xuất được nhiều giải pháp về phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, do trường với tỉ lệ gần 80% HS toàn trường là HS đồng bào dân tộc thiểu số nên còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai các giải pháp.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng cán bộ quản lý đảm bảo theo quy định. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập đúng quy định và thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng. Tổ chuyên môn đã tổ chức nhiều nội dung sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Tổ văn phòng có một số người phải kiêm nhiệm thêm một số nhiệm vụ khác, do đó còn gặp nhiều khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì tốt các hoạt động chuyên môn của tổ. Các tổ xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng thành viên: bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ; không ngừng tìm các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động của tổ. Cán bộ quản lý thường xuyên sinh hoạt với tổ văn phòng để theo dõi, đánh giá các hoạt động của tổ và có giải pháp giúp đỡ kịp thời tháo gỡ khó khăn cho tổ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2022 - 2023 trường có 5 khối, trong đó Khối 1, 2 mỗi khối có 5 lớp; khối 3, 4, 5 mỗi khối có 4 lớp [H1-1.5-01].

Học sinh của nhà trường được tổ chức theo lớp học, mỗi lớp có lớp trưởng và các lớp phó do tập thể lớp bầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Lớp học được chia thành các tổ, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong tổ bầu [H1-1.5-02].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. HS được tham gia tự đánh giá, đánh giá bạn, được tự ứng cử các chức danh của hội đồng tự quản hoặc đề cử và bình bầu cho bạn [H1-1.5-02]. Tuy nhiên, việc tổ chức, điều hành các hoạt động tự quản của Ban cán

sự lớp còn gặp khó khăn một phần do đa số các em là học sinh đồng bào dân tộc thiểu số chưa mạnh dạn, một phần do các em mới làm quen chưa có kinh nghiệm trong tổ chức, điều hành các hoạt động tại lớp học.

Mức 2:

Năm học 2022 - 2023 trường có 22 lớp [H1-1.5-01].

Sĩ số học sinh trong mỗi lớp của trường không vượt quá so với quy định tại Điều lệ trường TH. Năm học 2022 - 2023 trường có 22 lớp với 593 học sinh. Sĩ số học sinh bình quân 26,9 HS /lớp [H1-1.5-01].

Các lớp học được tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các khối lớp theo quy định cấp tiểu học; đảm bảo sĩ số. Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định; lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Trường có 03 điểm trường nên việc tổ chức các hoạt động tập trung cho học sinh hiệu quả chưa cao. Sĩ số học sinh bình quân giữa các lớp tại trung tâm và phân hiệu không đồng đều.

Công tác tự quản của các lớp hoạt động hiệu quả chưa cao, chưa phát huy hết vai trò trách nhiệm được giao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từng bước sáp nhập lớp học ở điểm trường phân hiệu 2 về điểm trường phân hiệu 1. Lộ trình đến năm học 2023-2024 trường chỉ còn 02 điểm trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ quản lý của nhà trường được lưu trữ theo quy định [H1-1.6-01], [H1-

1.6-02], [H1-1.6-03], [H1-1.6-04].

Hàng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-01], [H1-1.6-04], [H1-1.6-05], [H1-1.6-06], [H1-1.6-07], [H1-1.6-08].

Nhà trường luôn quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-02], [H1-1.6-08].

Mức 2:

Nhà trường đã đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý hành chính, tài chính, tài sản có hiệu quả. Đó là việc sử dụng các phần mềm như: phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp <https://mimosa.misa.vn/>; phần mềm quản lý tài sản <https://qltsapp.misa.vn/>; phần mềm quản lý nhân sự <http://daknong.quanlynhansu.net.vn/>; phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội <https://vbhxx.viettel.vn/>; phần mềm cơ sở dữ liệu ngành <https://csdl.moet.gov.vn>, phần mềm kiểm định chất lượng, phần mềm quản lý nhu cầu tiền lương: <https://qltctl.lihanet.com>. Việc sử dụng các phần mềm quản lý giúp tiết kiệm thời gian, đồng thời quản lý hiệu quả, chính xác các thông tin về tài chính phục vụ chế độ tổng hợp báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác [H1-1.6-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 3: Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2025, kế hoạch nhiệm vụ hàng năm trong đó có xác định các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường qua các phần mềm quản lý tài sản, tài chính;

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

3. Điểm yếu

Một số phần mềm mới được đưa vào sử dụng nên khả năng thao tác, kỹ năng xử lý trên phần mềm của đội ngũ còn gặp một số khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phân công cán bộ, giáo viên có năng lực công nghệ thông tin tiếp tục tổ chức, hướng dẫn, tập huấn cách sử dụng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường, đảm bảo tất cả các thành viên được phân quyền sử dụng thành thạo các phần mềm nhà trường hiện có.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV và NV và được đánh giá vào cuối năm học [H1-1.7-01], [H1-1.7-02].

Nhà trường phân công, sử dụng CBQL, GV và NV rõ ràng, hợp lý. Việc phân công, sử dụng CBQL, GV và NV của nhà trường đảm bảo phù hợp theo vị trí việc làm, đảm bảo hiệu quả phát huy tốt năng lực, sở trường công tác của mỗi cá nhân [H1-1.7-03].

CBQL, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học (theo thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 thông tư Ban hành Điều lệ trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường: Phân công công việc đúng sở trường, đảm bảo phù hợp với năng lực, trình độ; động viên, khen ngợi kịp thời [H1-1.7-03], [H1-1.3-06], [H1-1.3-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác quản lý cán bộ, giáo viên nhân viên. Thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo các hoạt động của nhà trường. Thực hiện tốt các quyền lợi chính đáng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

3. Điểm yếu

Nhiều tiềm năng trong cán bộ, giáo viên, nhân viên vẫn chưa được khai thác tối đa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm học của cấp trên, trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục từng năm học đúng theo quy định hiện hành, sát thực với tình hình thực tế của địa phương, của đơn vị [H1-1.8-01], [H5-5.1-01]. Chỉ đạo các tổ chuyên môn và giáo viên làm tốt công tác xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học phù hợp với đặc thù học sinh.

Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch đề ra, kịp thời thay đổi cho phù hợp với tình hình mới, thực hiện đầy đủ các hoạt động dạy học và giáo dục [H5-5.1-01], [H1-1.8-02].

Trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục, khi có sự thay đổi về nội dung dạy học (chương trình cốt lõi, điều chỉnh giảm tải), khi điều kiện dạy học thay đổi (dịch bệnh, thiên tai, ...) nhà trường đều tiến hành điều chỉnh phù hợp, kịp thời theo sự chỉ đạo của cấp trên và điều kiện của nhà trường [H1-1.4-04], [H5-5.1-01].

Mức 2:

Căn cứ kế hoạch đề ra, nhà trường đã có những biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả như: làm tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra nội bộ trường học, nâng cao hoạt động giáo dục, lập kế hoạch (thời gian kiểm tra; đối tượng kiểm tra, nội dung kiểm tra; hình thức kiểm tra). Các kế hoạch GD được nhà trường rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường; Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ; Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời; Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Do khối lượng công việc nhiều một số nội dung trong kế hoạch kiểm tra nội bộ đôi lúc thực hiện chưa đúng tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục xây dựng nội dung kế hoạch hoạt động sát với thực tế từng năm học. Tăng cường công tác rà soát các biện pháp, dự kiến thời gian đảm bảo kiểm tra nội bộ đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường thông qua các cuộc họp, đại hội, hội nghị; việc tham gia được quy định cụ thể trong Quy chế dân chủ của nhà trường [H1-1.9-01].

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CB, GV, NV, cha mẹ HS (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đầy đủ, đúng pháp luật [H1-1.9-01], [H1-1.9-02], [H1-1.9-03], [H1-1.9-04].

Hàng năm nhà trường có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thông qua trong Hội nghị cán bộ, viên chức đầu năm của nhà trường [H1-1.9-04].

Mức 2:

Nhà trường phối hợp với Hội đồng trường, Công đoàn và cá tổ chức đoàn thể đưa ra các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-02], [H1-1.9-03], [H1-1.9-04], [H1-1.9-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong đơn vị. CB, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy chế... liên quan đến hoạt động của nhà trường; trong những năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại; việc kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ đảm bảo.

3. Điểm yếu

Ban thanh tra nhân dân thực hiện việc giám sát còn hạn chế, do thời gian hạn hẹp và kỹ năng nghiệp vụ chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công đoàn tham mưu với cấp trên có lớp tập huấn nghiệp vụ cho Ban thanh tra nhân dân để thực hiện được việc giám sát quy chế dân chủ một cách hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống

tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Phương án đảm bảo an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và Phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01], [H1-1.10-02].

Nhà trường có hộp thư góp ý đặt tại văn phòng nhà trường, [H1-1.10-03], công khai số điện thoại đường dây nóng của Hiệu trưởng đến toàn thể CB-GV-NV, phụ huynh học sinh và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-04]; Giáo viên không có hành vi bạo lực với học sinh. Đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-02], [H1-1.10-05].

Thông qua hoạt động giáo dục tập thể và HĐ trải nghiệm, nhà trường, GVCN đã phổ biến kiến thức về bình đẳng giới cho học sinh. HS được GD và có ý thức tốt trong quan hệ bạn bè, đối xử với nhau thân thiện, quan hệ thầy trò đúng mực. HS được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. HS được hưởng và bảo vệ các quyền lợi của trẻ em theo Luật Trẻ em. HS được nhận các chế độ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; học sinh được các nhà hảo tâm, thầy cô giáo trong trường quan tâm giúp đỡ về tinh thần, vật chất như: sách vở, đồ dùng học tập, quần áo, cặp sách, ... Trường không có các tệ nạn xã hội; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới cũng như bạo lực học đường trong nhà trường. [H1-1.10-01].

Mức 2:

CBQL, GV, NV và HS được phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và Phòng, chống bạo lực học đường thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa, chào cờ, sinh hoạt đội [H1-1.10-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-03], [H1-1.10-04].

2. Điểm mạnh

Đảm bảo an toàn an ninh trật tự, không để xảy ra bạo lực học đường, kì thị, vi phạm về giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Các hình thức tuyên truyền còn chưa đa dạng, phong phú, chưa thu hút được đông đảo phụ huynh tham gia tuyên truyền.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng, cải tiến, đổi mới các hình thức, thu hút phụ huynh tham gia tuyên truyền. Bên cạnh đó, tổng phụ trách Đội và GV chủ nhiệm tăng cường công tác quản lí HS trong thời gian trước khi vào học và trong giờ ra chơi, giáo dục HS không được chơi các trò chơi nguy hiểm đồng thời tổ chức cho HS chơi các trò chơi dân gian phong phú hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng được phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp, được Phòng GD&ĐT phê duyệt, được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường. Các Hội đồng đủ cơ cấu và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, hoạt động hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Các tổ chức, đoàn thể phối hợp hiệu quả; Trường có đủ cơ cấu về quản lí, tổ chuyên môn; biên chế lớp học, học sinh đúng quy định; Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định. Thực hiện tốt việc lập dự toán, thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Quyền và lợi ích hợp pháp của quản lí, giáo viên, nhân viên được đảm bảo. Kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục, có sự tham gia của các bên liên quan. An ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo.

Điểm yếu:

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế, cụ thể như sau: Tổ tư vấn tâm lí chưa có nhiều kinh nghiệm trong tổ chức phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục; nhà trường chưa tổ chức được các hình thức cho phụ huynh và cộng đồng tham gia đánh giá, bổ sung, điều chỉnh Chiến lược phát triển giáo dục của đơn vị; việc huy động đoàn viên tham gia một số hoạt động cộng đồng tại địa phương của các đoàn thể còn khó khăn do hạn chế về thời gian; Ban thanh tra vì lí do hạn chế về thời gian, thiếu kinh nghiệm còn hạn chế trong quá trình thực hiện; một số nội dung kiểm tra nội bộ đôi lúc thực hiện chưa đúng tiến độ, phải điều chỉnh về thời gian.

Việc thực hiện các biện pháp nhằm phát huy năng lực CB, GV, NV nhìn chung hiệu quả chưa cao, chưa phát huy hết nội lực của đội ngũ trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 6/10 (0/4) tiêu chí chiếm 60 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

CBQL trong nhà trường có năng lực quản lí, vững về chuyên môn và luôn năng

động trong công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. HT và PHT đều có quá trình trực tiếp giảng dạy từ 5 năm trở lên. Hằng năm, Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá theo Quy định Chuẩn HT, PHT trường tiểu học đạt mức khá trở lên; tạo sự đoàn kết, thống nhất cao; có phân công, phân nhiệm rõ ràng trong đội ngũ lãnh đạo để cùng phối hợp hoàn thành nhiệm vụ được giao. GV nhiệt tình, nắm vững chuyên môn, hết lòng vì HS, tham gia tích cực các hoạt động nhà trường. Đội ngũ nhân viên có ý thức cao trong công việc được phân công. Đa số HS chăm ngoan, lễ phép và tích cực tham gia tốt các phong trào do ngành và trường tổ chức.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng nhà trường có trình độ Đại học, đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục; có kinh nghiệm dạy học 04 năm và 18 năm làm cán bộ quản lý [H2-2.1-01].

Phó hiệu trưởng có trình độ Đại học, đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục; có kinh nghiệm dạy học 14 năm và 04 năm làm cán bộ quản lý [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT đánh giá, xếp loại khá theo Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học [H2-2.1-02]. Hiệu trưởng hàng năm được UBND huyện đánh giá xếp loại viên chức tốt trở lên. Phó hiệu trưởng 4 năm được UBND huyện đánh giá xếp loại viên chức tốt, có năm 2020 xếp loại viên chức Hoàn thành nhiệm vụ [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng được tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: Bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục; Bồi dưỡng cán bộ quản lý và công chức nhà nước; Trung cấp lý luận chính trị; chức danh nghề nghiệp; tiếng Anh; Tin học [H1-1.2-01].

Phó hiệu trưởng được tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định, như: Trung cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý phổ thông; tiếng Anh; Tin học [H1-1.2-01].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, Hiệu trưởng luôn được đánh giá đạt mức khá theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đã được đào tạo qua lớp trung cấp lý luận chính trị; Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được giáo viên, nhân viên nhà trường tín nhiệm [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp, tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt ở mức khá. Năm 2022 hiệu trưởng được đánh giá đạt ở mức tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng Đạt tiêu chuẩn theo quy định. Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá. Hằng năm, HT và PHT được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, HT và PHT luôn được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá. Năm 2022 HT được đánh giá ở mức tốt. HT và PHT được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được GV, NV trong trường tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Trong 05 năm liên tục, Phó hiệu trưởng chưa có năm nào được đánh giá chuẩn đạt mức Tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

HT, PHT tiếp tục phấn đấu, rèn luyện, phát huy những điểm mạnh khắc phục những tồn tại, hạn chế.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường

thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

GV của trường đảm bảo đủ số lượng, mỗi lớp học đều được bố trí biên chế 01 GVCN theo quy định của Điều lệ trường TH. Trường có 32 GV/22 lớp, đạt tỉ lệ 1,4 GV/lớp. Trường có 01 GV dạy môn Âm nhạc, 01 GV dạy Mỹ thuật, 02 GV dạy Tiếng Anh, 01 GV dạy Thể dục, đã qua đào tạo nghiệp vụ sư phạm và trường đảm bảo dạy đủ các môn học theo quy định [H2-2.2-02]. Có GV được phân công làm TPT Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh theo quy định [H2-2.2-01].

100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định; trong đó 25 giáo viên có trình độ đại học, 06 giáo viên có trình độ cao đẳng; 01 giáo viên có trình độ trung cấp; (trong đó có 01 GV đang học Đại học, 03 giáo viên đang chờ học nâng chuẩn theo lộ trình và 04 giáo viên trong diện không bắt buộc học nâng chuẩn) [H5-5.5-01].

Hàng năm, GV được tổ chức đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học theo Thông tư 20 về chuẩn nghề nghiệp giáo viên của Bộ GD&ĐT quy định. Trong những năm học qua, tất cả GV đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV từ mức khá trở lên, đạt tỉ lệ 100% [H2-2.2-03].

Mức 2:

59,3% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo, trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H5-5.5-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức Khá trở lên [H2-2.2-03].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03].

Mức 3:

Hiện tại nhà trường chưa có giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo.

Trong 5 năm liên tiếp, tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường luôn có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. nhưng trong đó không có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

Số lượng GV đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp TH; có GV làm TPT Đội TNTP Hồ Chí Minh; 65 % GV đạt trình độ Đại học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp; có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Năm học 2022-2023 trường thiếu 01 GV tin học (Được bổ sung 1 giáo viên trường THCS Nguyễn Trãi dạy liên trường). Chưa có GV nào đạt trình độ trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019. Tính từ năm 2017 đến nay tỷ lệ 30% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt hằng năm chưa đạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu UBND huyện, Phòng GD&ĐT bổ sung thêm GV tin học để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 3 năm học 2022-2023. Khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019. Phấn đấu hằng năm có 30% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ NV theo quy định: 01 NV kế toán kiêm công tác văn thư, 01 NV y tế - thủ quỹ, 01 NV Thư viện - Thiết bị.

Nhà trường phân công NV phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.4-03].

Đội ngũ NV nhà trường luôn nhiệt tình, trách nhiệm, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01].

Mức 2:

Nhà trường đủ số lượng NV và cơ cấu NV của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.4-03].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, NV nhà trường luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-01].

Mức 3:

Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học, văn thư, y tế và thủ quỹ có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên môn, có bằng trung cấp trở lên các chuyên ngành khác phù hợp vị trí việc làm. Có nhân viên bảo vệ nhưng chưa được bồi dưỡng về nghiệp vụ [H2-2.3-02].

Hàng năm, các nhân viên như Kế toán, Y tế, Thư viện được tham gia các khoá lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí. Nhân viên bảo vệ chưa được tập huấn [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ NV có trình độ chuyên ngành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm. Việc phân công, sử dụng NV đúng quy định và năng lực sở trường; 100% NV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Nhân viên bảo vệ đã được hướng dẫn để thực hiện các nhiệm vụ tại nhà trường nhưng chưa được tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do cơ quan chức năng tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ bảo vệ để bảo vệ của nhà trường được tham gia bồi dưỡng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Độ tuổi HS tham gia học tiểu học tại nhà trường đảm bảo theo quy định Điều lệ trường tiểu học: HS vào học lớp một là 06 tuổi và được tính theo năm; trẻ em khuyết tật, kém phát triển về thể lực hoặc trí tuệ, trẻ em người dân tộc thiểu số, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, vẫn được vào học lớp một ở độ tuổi cao hơn so với quy định nhưng không quá 03 tuổi [H2-2.4-01].

HS thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường TH như: học tập, rèn luyện theo kế hoạch giáo dục, nội quy của nhà trường; có ý thức tự giác học tập, rèn luyện để phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhiệm vụ học tập; biết cách tự học dưới sự hướng dẫn của GV; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Hiều

thảo với cha mẹ, ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, em nhỏ, người già, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. Chấp hành nội quy, bảo vệ tài sản nhà trường và nơi công cộng; chấp hành trật tự an toàn giao thông; giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường. Góp phần vào các hoạt động xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương [H2-2.4-02].

HS được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; Luật trẻ em như: được học tập. Được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng, dân chủ; được đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng; được cung cấp đầy đủ thông tin về quá trình học tập, rèn luyện của bản thân; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Được tham gia các hoạt động phát huy khả năng của cá nhân; được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của cá nhân. HS có thành tích xuất sắc, học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong học tập, rèn luyện và các phong trào thi đua, có nhiều đóng góp cho tập thể được các bạn trong lớp bình chọn hoặc có thành tích đột xuất khác thì được giáo viên, nhà trường và các cấp quản lý giáo dục khen thưởng theo các hình thức: tuyên dương trước lớp hoặc trước toàn trường, tặng giấy khen hoặc thư khen [H5-5.5-01] [H2-2.4-02]. Được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-03].

Mức 2:

HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực [H2-2.4-02].

Mức 3:

Hàng năm đều có Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện. Một số em đạt đạt được thành tích trong các phong trào do cấp huyện tổ chức. Những em này được nhà trường, giáo viên biểu dương khen thưởng, trở thành những tấm gương tiêu biểu, điển hình đã có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

2. Điểm mạnh

HS trong nhà trường đảm bảo về độ tuổi; thực hiện đúng các nhiệm vụ; được đảm bảo các quyền của HS, quyền trẻ em; được ghi nhận, khen thưởng thành tích trong học tập và rèn luyện. HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

3. Điểm yếu

Chưa có nhiều HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục để có nhiều HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh:

HT và PHT Đạt tiêu chuẩn theo quy định. Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá. Hàng năm, HT và PHT được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản

lý giáo dục theo quy định.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, HT và PHT luôn được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá. HT và PHT được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được GV, NV trong trường tín nhiệm.

Số lượng GV đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp TH; có GV làm TPT Đội TNTP Hồ Chí Minh; 78 % GV đạt trình độ Đại học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp; có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Đội ngũ NV có trình độ chuyên ngành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm. Việc phân công, sử dụng NV đúng quy định và năng lực sở trường; 100% NV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

HS trong nhà trường đảm bảo về độ tuổi; thực hiện đúng các nhiệm vụ; được đảm bảo các quyền của HS, quyền trẻ em; được ghi nhận, khen thưởng thành tích trong học tập và rèn luyện. HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Điểm yếu:

Trong 05 năm liên tục, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng chưa có năm nào được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng đạt mức Tốt.

Năm học 2022-2023 trường thiếu 01 GV tin học (Được bổ sung 1 giáo viên trường THCS Nguyễn Trãi dạy liên trường). Chưa có GV nào đạt trình độ trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019. Tính từ năm 2017 đến nay tỷ lệ 30% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt hằng năm chưa đạt.

Nhân viên bảo vệ đã được hướng dẫn để thực hiện các nhiệm vụ tại nhà trường nhưng chưa được tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do cơ quan chức năng tổ chức. Chưa có nhiều HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 0/4 (0/4) tiêu chí chiếm 0 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường TH Ngô Gia Tự có khuôn viên đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp; có đầy đủ các công trình phục vụ công tác giảng dạy và học tập: Khối phòng học, phòng hành chính, phòng thư viện, phòng thiết bị, sân chơi, nhà để xe, khu vực vệ sinh, ... theo đúng quy định. Hằng năm, nhà trường luôn có kế hoạch cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động quản lý và giáo dục; có chú trọng xây dựng kế hoạch và đầu tư hệ thống mạng, thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;
- c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

- a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;
- b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-02].

Trường có cổng trường, biển tên trường và tường rào, hàng rào bao quanh [H3-3.1-01].

Nhà trường có khu sân chơi, sân tập thể dục thể thao đảm bảo an toàn để HS được vui chơi, luyện tập thể dục, thể thao và tham gia các hoạt động giáo dục tại 3 điểm trường [H3-3.1-02].

Tổng diện tích đất của trường ở cả 03 điểm là 14.289 m², diện tích đảm bảo theo quy định, trong đó điểm trung tâm có 6.948m²/414 HS, đạt 15,7 m²/HS; điểm Phân hiệu 1 có 4.628 m²/140 HS, đạt 33,1 m²/HS; Phân hiệu 2 có 2.713m²/ 38 HS, đạt 71,4 m²/HS [H3-3.1-03].

Trường có cổng trường được xây dựng kiên cố: một cửa chính, một cửa phụ; Có biển tên trường; tường rào bao quanh được xây bằng gạch, đảm bảo an toàn [H3-3.1-01].

Nhà trường có khu sân chơi, sân tập thể dục thể thao đảm bảo an toàn để HS được vui chơi, luyện tập thể dục, thể thao và tham gia các hoạt động giáo dục tại 3 điểm trường [H3-3.1-02].

Mức 2:

Tổng diện tích đất của trường ở cả 03 điểm là 14.289 m², diện tích đảm bảo theo quy định, trong đó điểm trung tâm có 6.948m²/407 HS, đạt 17,1 m²/HS; điểm Phân hiệu 1 có 4.628 m²/83 HS, đạt 55,8 m²/HS; Phân hiệu 2 có 2.713m²/ 78 HS, đạt 34,8 m²/HS [H3-3.1-03].

Sân chơi, sân tập rộng rãi, có cây bóng mát đảm bảo cho HS luyện tập thường xuyên và hiệu quả [H3-3.1-02].

Mức 3: Có sân chơi rộng rãi; phân hiệu 1, 2 có cây bóng mát đảm bảo cho HS luyện tập thường xuyên và hiệu quả. Tại trung tâm có nhà đa năng rộng rãi. Tuy nhiên do hệ thống cây xanh mới trồng lại nên tại trung tâm cây bóng mát chưa đảm bảo độ che phủ cho HS vui chơi và luyện tập. Sân chơi, sân tập chưa có đồ chơi, thiết bị vận động cho HS vui chơi, vận động.

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động

giáo dục; có công trường, biển tên trường, tường rào và hàng rào bao quanh; có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập đảm bảo theo quy định; sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Ở điểm trường chính, hệ thống cây bóng mát vừa mới được trồng lại, chưa đủ độ che phủ bóng mát (40% theo quy định); sân chơi, sân tập chưa có đồ chơi, thiết bị vận động cho HS vui chơi, vận động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên chăm sóc, cải tạo hệ thống cây bóng mát đảm bảo độ che phủ đạt 40% theo quy định; đầu tư sân chơi, sân tập có đồ chơi, thiết bị vận động cho HS được vui chơi, vận động.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;
- b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;
- c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2022 - 2023 trường có: trung tâm 15 phòng học kiên cố; phân hiệu 1 gồm 05 phòng học bán kiên cố; phân hiệu 2 có 4 phòng học bán kiên cố, đủ phòng học cho 22 lớp học, quy cách phòng học theo quy định. Mỗi lớp được bố trí bàn, ghế học sinh đảm bảo đủ chỗ ngồi cho học sinh; có đầy đủ bàn, ghế giáo viên, bảng chống loá theo quy định [H3-3.2-01].

Mỗi lớp được bố trí bàn, ghế học sinh đảm bảo đủ chỗ ngồi cho học sinh trong lớp. Mỗi phòng học đều có đủ bàn ghế giáo viên, bảng chống loá theo quy định [H3-3.2-01].

Tất cả phòng học đều trang bị hệ thống đèn chiếu sáng, quạt, đảm bảo đủ ánh sáng và thoáng mát cho HS học tập; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học bảo đảm đúng theo quy định [H3-3.2-01].

Mức 2:

Diện tích mỗi phòng học đều đạt tiêu chuẩn theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học, các phòng học có kích thước 35m²,

42m² và 59m² [H3-3.2-02].

Mỗi phòng học đều có tủ đựng thiết bị dạy học, có đủ các thiết bị dạy học; thiết bị, đồ dùng dạy học được sắp xếp hợp lý, an toàn và thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-01], [H3-3.2-02].

Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS đảm bảo theo quy định [H3-3.2-01], [H3-3.2-02].

Mức 3: Trường bố trí các phòng phục vụ giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng truyền thống và hoạt động Đội thiếu niên tiền phong, Âm nhạc, Tiếng Anh, Mỹ thuật.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng học riêng cho mỗi lớp, quy cách phòng học đảm bảo theo quy định; bàn, ghế HS đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế GV, bảng lớp theo quy định; có hệ thống đèn, quạt; có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định; tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học; kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS đảm bảo theo quy định.

3. Điểm yếu

Trang thiết bị phục vụ cho môn mỹ thuật, tin học, ngoại ngữ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từng bước trang bị thêm trang thiết bị phục vụ cho môn mỹ thuật, tin học, ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2022 - 2023 nhà trường có các phòng phục vụ giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị, phòng truyền thống và hoạt động Đội thiếu niên tiền phong: trung tâm 03 phòng bộ môn và phòng thiết bị, thư viện, phòng truyền thống và hoạt

động Đội thiếu niên tiên phong; Phân hiệu 1 gồm 03 phòng bộ môn (Âm nhạc, Tiếng Anh, Mỹ thuật); 1 phòng thư viện - thiết bị.

Khối phòng hành chính quản trị gồm có 04 phòng: Trong đó ở trung tâm có 01 phòng làm việc của HT, 01 phòng làm việc của PHT, 01 phòng của nhân viên, 01 văn phòng đáp ứng các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường; Phân hiệu 01 có 02 phòng trực và làm việc của ban giám hiệu, Các phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị để làm việc như: bàn ghế, tủ, máy tính, mạng internet.... và các phương tiện làm việc [H3-3.1-01].

Cả 03 điểm trường, mỗi điểm trường đều có 01 khu để xe chung cho CB, GV, NV và HS. Khu để xe cho được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.1-01].

Mức 2:

Năm học 2022 - 2023 nhà trường được đầu tư xây dựng các phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị gồm: 04 phòng bộ môn, 04 phòng phục vụ học tập, 01 văn phòng, 01 phòng HT, 01 phòng PHT, 01 phòng dành cho NV, 01 văn phòng đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. [H3-3.1-01]

Nhà trường có đầy đủ các tủ lưu trữ hồ sơ tại các phòng làm việc đảm bảo hồ sơ được lưu trữ khoa học [H3-3.3-02].

Mức 3: Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị để làm việc như: bàn ghế, tủ, máy tính, mạng internet,.... được sắp xếp hợp lý, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục; khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường; khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự; có đầy đủ các tủ để lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

3. Điểm yếu

Trường đã có phòng tin học nhưng số lượng máy còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch từng bước mua sắm bổ sung thêm máy tính cho phòng tin học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng

quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng 06 nhà vệ sinh (điểm chính: 02 cái, phân hiệu 1: 02 cái, phân hiệu 2: 02 cái) với 10 phòng. Tổng cộng: 28 bồn cầu. Có nhà vệ sinh nam, nữ riêng cho HS và nhà vệ sinh nam nữ riêng cho GV đảm bảo yêu cầu sạch sẽ, đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H3-3.1-01].

Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường có hệ thống cấp nước sạch đầy đủ với 03 cái bồn sử dụng nước sạch từ giếng khoan để sinh hoạt; có hệ thống máy lọc nước được đầu tư với tổng giá trị 90 triệu đồng ở điểm phân hiệu 1 và 02 máy lọc nước uống ở điểm trường chính trị giá 30 triệu đồng, đảm bảo nước sạch cho HS và CB, GV, NV trong toàn trường [H3-3.4-01], [H3-3.4-03].

Có hố rác, việc thu gom và xử lý chất thải được thực hiện hằng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-02].

Mức 2:

Nhà trường có khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học [H3-3.1-01].

Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Bộ Y tế. Hệ thống thoát nước, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp khi mưa to, nước thải khu vệ sinh được đưa vào hầm rút [H3-3.4-03].

Thu gom, xử lý rác thải bảo đảm theo quy định tại thông tư 04/2010/TT-BYT: Có hệ thống thu gom và xử lý rác thải; Có thùng đựng và phân loại rác thải của phòng y tế; có các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong nhà trường thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt với các khu vực khác và có lối ra vào riêng cách với khu nhà chính trên 25m và nằm ở góc khuất, cuối chiều gió, rác thải được thu gom hằng ngày và xử lý bằng cách đốt hợp vệ sinh, xử lý tập trung [H3-3.4-02].

2. Điểm mạnh

Trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, GV, NV, HS đảm bảo không ô nhiễm môi trường; hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho GV, NV và HS; thường xuyên thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định; hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

3. Điểm yếu

Chưa có hệ thống thùng đựng phân loại rác thải trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức mua sắm thêm thùng đựng phân loại rác và hướng dẫn thực hiện phân loại rác thải trong nhà trường vào năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị và máy móc phục vụ công tác văn thư, kế toán, quản lý như máy tính, máy in, laptop, máy photocopy, máy chiếu, có hệ thống thiết bị tủ đựng hồ sơ, bàn ghế làm việc và các thiết bị quạt ... Nhìn chung, có đủ các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường [H1-1.6-01].

Thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học [H3-3.5-01].

Hàng năm nhà trường tiến hành kiểm kê các thiết bị dạy học để kịp thời sửa chữa, bổ sung các đồ dùng và thiết bị phục vụ cho các năm học tiếp theo [H3-3.5-02], [H3-3.5-03].

Mức 2:

Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H1-1.6-01].

Nhà trường có đủ thiết bị để phục vụ cho việc dạy học theo quy định [H3-3.5-04].

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch bổ sung thiết bị dạy học; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch làm đồ dùng dạy học nhằm bổ sung đồ dùng dạy học còn thiếu, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-04], [H3-3.5-05].

Mức 3: Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa được khai thác triệt để, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường; có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định; hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa; hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt

động dạy học; có đủ thiết bị dạy học theo quy định; hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

3. Điểm yếu

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa được GV khai thác triệt để, sử dụng hiệu quả hơn nữa đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm cần được GV khai thác triệt để, sử dụng hiệu quả hơn nữa đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện nhà trường được trang bị, sách báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học. [H3-3.6-01]

Thư viện của nhà trường được tổ chức hoạt động thường xuyên cùng với kế hoạch hoạt động chung của nhà trường. Thư viện có kế hoạch mở cửa hàng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu để đón bạn đọc, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường. Hoạt động của thư viện nhà trường đáp ứng được tối thiểu hoạt động dạy học của CB, GV, NV và HS. [H3-3.6-01], [H3-3.6-02].

Hằng năm thư viện được kiểm kê số lượng sách báo, tài liệu, đồ dùng dạy học, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo để kịp thời phục vụ cho nhu cầu dạy học và các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

Mức 2:

Thư viện nhà trường đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông [H3-3.6-02].

Mức 3: Thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn Thư viện trường phổ thông).

Hệ thống máy tính của thư viện chưa được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

Thư viện trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học; hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của CBQL, GV, NV, HS; hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo. Thư viện của nhà trường đạt chuẩn Thư viện trường học.

3. Điểm yếu

Thư viện của nhà trường chưa có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từng bước xây dựng thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh:

Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục; có cổng trường, biển tên trường, tường rào và hàng rào bao quanh; có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập đảm bảo theo quy định; sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Trường có đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học đảm bảo theo quy định; bàn, ghế HS đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế GV, bảng lớp theo quy định; có hệ thống đèn, quạt; có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định; tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học; kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS đảm bảo theo quy định.

Trường có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục; khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường; khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự; có đầy đủ các tủ để lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, GV, NV, HS đảm bảo không ô nhiễm môi trường; hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho GV, NV và HS; thường xuyên thu gom rác và xử lý

chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định; hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường; có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định; hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa; hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học; có đủ thiết bị dạy học theo quy định; hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Thư viện trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học; hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của CBQL, GV, NV, HS; hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo. Thư viện của nhà trường đạt chuẩn Thư viện trường học.

Điểm yếu:

Ở điểm trường chính, hệ thống cây bóng mát vừa mới được trồng lại, chưa đủ độ che phủ bóng mát (40% theo quy định); sân chơi, sân tập chưa có đồ chơi, thiết bị vận động cho HS vui chơi, vận động.

Trang thiết bị phục vụ cho môn mỹ thuật, tin học, ngoại ngữ còn hạn chế.

Trường đã có phòng tin học nhưng số lượng máy còn ít.

Chưa có hệ thống thùng đựng phân loại rác thải trong nhà trường.

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa được GV khai thác triệt để, sử dụng hiệu quả hơn nữa đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thư viện của nhà trường chưa có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và HS.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 0/6 (0/6) tiêu chí chiếm 0 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường có Ban ĐDCM HS trường, lớp được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Ban ĐDCM HS. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban ĐDCM HS hoạt động. Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực phát triển nhà trường và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng HS học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ HS có hoàn

cảnh khó khăn. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho HS và thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Muốn giáo dục trẻ có hiệu quả, cần xây dựng mối quan hệ gắn bó, bền chặt của ba yếu tố nhà trường – gia đình – xã hội. Nhận thức rõ vấn đề đó, trường TH Ngô Gia Tự đã xây dựng chi tiết và cụ thể kế hoạch phối hợp giữa ba yếu tố trên nhằm giáo dục các em HS trở thành những con người phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ. Việc phối hợp đó là một trong những yếu tố góp phần tạo nên thành tích chung cho nhà trường trong những năm qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban ĐDCMHS của nhà trường được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban ĐDCMHS (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011) [H4-4.1-02], [H4-4.1-05].

Căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục của nhà trường, Ban ĐDCMHS xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra [H4-4.1-03].

Kế hoạch năm học của Ban ĐDCMHS được tổ chức thực hiện đúng tiến độ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H4-4.1-03], [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban ĐDCMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp [H4-4.1-04].

Mức 3: Ban ĐDCMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Điểm mạnh

Ban ĐDCMHS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban

ĐDCMHS; có kế hoạch hoạt động theo năm học; tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Ban ĐDCMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

3. Điểm yếu

Một số cuộc họp cha mẹ HS và Ban đại diện chưa đảm bảo số lượng 100%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường bố trí linh hoạt thời gian tổ chức các cuộc họp; tăng cường động viên PH đi họp đông đủ để các buổi họp thành công hơn, góp phần thống nhất cao chủ trương, biện pháp phối hợp giáo dục HS trong và ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường luôn được chú trọng. Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-01], [H5-5.1-02].

Nhà trường luôn tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội

dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau (qua các cuộc họp, qua các phương tiện truyền thông ...) [H4-4.1-01].

Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định [H4-4.2-01].

Mức 2:

Nhà trường đã và đang tích cực tham mưu với Cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo mọi điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển thông qua các cuộc giao ban Đảng uỷ, UBND, bằng các văn bản, tờ trình, ... [H4-4.2-01]. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-4.2-02], [H5-5.3-01].

Mức 3: Nhà trường đã và đang tham mưu với Cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Đến thời điểm hiện tại, trường đã có các hạng mục để tổ chức các hoạt động văn hoá, hoạt động giải trí, thể dục thể thao như: nhà đa năng, sân chơi rộng rãi,...

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn tích cực tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục, thực hiện tốt công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nhân dân về mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục của nhà trường; huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng theo đúng quy định hiện hành; phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

3. Điểm yếu

Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa thực hiện hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần chú trọng công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh:

Ban ĐDCMHS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban ĐDCMHS; có kế hoạch hoạt động theo năm học; tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Ban ĐDCMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Nhà trường luôn tích cực tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục, thực hiện tốt công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nhân dân về mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục của nhà trường; huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng theo đúng quy định hiện hành; phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh.

Trường có đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học đảm bảo theo quy định; bàn, ghế HS đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế GV, bảng lớp theo quy định; có hệ thống đèn, quạt; có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định; tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học; kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS đảm bảo theo quy định.

Điểm yếu:

Ban ĐDCMHS chưa có nhiều hoạt động phối hợp hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban ĐDCMHS.

Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa thực hiện hiệu quả.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 0/2 (0/2) tiêu chí chiếm 0 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục là một tiêu chuẩn quan trọng hàng đầu, chính vì vậy trong những năm qua trường TH Ngô Gia Tự luôn chú ý đến việc thực hiện đúng chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, đồng thời trường cũng thực hiện đầy đủ và nghiêm túc những quy định về chuyên môn mà Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông, Phòng GD&ĐT huyện Đắk Song chỉ đạo. Nhờ có sự nỗ lực của tập thể CB, GV cũng như sự cố gắng của các em HS mà các hoạt động giáo dục của nhà trường đã được thực hiện một cách nghiêm túc, đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học, nhà trường đã có nhiều giải pháp phù hợp với thực tế để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các năm học, chất lượng xếp loại giáo dục học sinh của nhà trường luôn được nâng cao. Thông qua các ngày lễ lớn, ngày truyền thống, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp, nhà trường phối hợp với các đoàn thể tổ chức các hoạt động giáo dục tạo môi trường hoạt động tập thể, vui chơi lành mạnh, đầy bổ ích cho HS. Từ khi thành lập trường đến nay, tỉ lệ HS hoàn thành tốt và hoàn thành về học tập, đạt về năng lực, phẩm chất đều tăng. Tỉ lệ HS chưa hoàn thành, chưa đạt về học tập về năng lực, phẩm chất chỉ chiếm số ít.

- Nhà trường luôn phối kết hợp chặt chẽ với các trường trong địa bàn và các lực

lượng xã hội để thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi của địa phương. Chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi được duy trì vững chắc qua các năm và được công nhận công tác phổ cập.

- Nhà trường thường xuyên quan tâm đến hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, rèn kỹ năng sống cho HS. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được nhà trường đầu tư thời gian, kinh phí nên hoạt động có hiệu quả.

- Công tác giáo dục thể chất và chăm sóc sức khỏe cho HS luôn được chú trọng, công tác giáo dục an toàn giao thông luôn được chú trọng, ... Trường đã quan tâm đúng mức tới việc giáo dục học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp, vệ sinh môi trường. HS tham gia bảo hiểm y tế luôn đạt tỷ lệ 100%.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2022 - 2023 nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3. Thực hiện dạy học theo chương trình hiện hành đối với lớp 4, 5. Ngoài ra lớp 5 còn thực hiện theo công văn 3799 của BGDĐT đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018 [H5-5.1-01].

Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch. [H5-5.1-01].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo cập nhật kịp thời các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục như: Các Nghị quyết 29-NQ/BCHTW, Nghị quyết 88/NQ-QH13 của Quốc Hội, về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Các chỉ thị, thông tư, nhiệm vụ năm học của toàn ngành, của từng cấp học của Bộ giáo dục & Đào tạo, Phòng giáo dục & đào tạo... [H5-5.1-01].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được tổng hợp trên tinh thần xây dựng của các tổ chức cá nhân như: Đội thiếu niên, Đoàn thanh niên, Phụ huynh học sinh, tổ chuyên môn, được thông qua Hội đồng sư phạm để thống nhất thực hiện và được Hội đồng trường phê duyệt, Phòng GD&ĐT phê duyệt [H5-5.1-01].

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo cập nhật kịp thời các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục như: Các Nghị quyết 29-NQ/BCHTW, Nghị quyết 88/NQ-QH13 của Quốc Hội, về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Công văn

2345/BGDĐT-GDTH của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Các chỉ thị, thông tư, nhiệm vụ năm học của toàn ngành, của từng cấp học của Bộ giáo dục & Đào tạo, Phòng giáo dục & đào tạo... [H5-5.1-01].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng qua các cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, họp phụ huynh học sinh các lớp, họp Hội đồng nhà trường... để mọi người được biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch [H5-5.1-01].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục; Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch; Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục; Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

3. Điểm yếu

Việc lấy ý kiến để xây dựng kế hoạch chưa có nhiều phụ huynh tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác tuyên truyền ý nghĩa về việc tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường của các thành viên trong cộng đồng; động viên khuyến khích phụ huynh tham gia ý kiến để tạo mọi điều kiện con em được học tập, và tham gia các hoạt động giáo dục được tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;
- c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

- a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;
- b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục [H5-5.2-05]. Khối 1, 2, 3 thực hiện dạy học chương trình giáo dục phổ thông 2018. Khối lớp 4, 5 thực hiện dạy học theo chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học (quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông). Để đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018 riêng lớp 5 có thực hiện thêm nội dung tại công văn 3799 của BGDĐT; thực hiện hoạt động trải nghiệm [H5-5.1-01], [H5-5.2-01].

Đội ngũ giáo viên đã xây dựng kế hoạch bài dạy theo công văn 2345/BGDĐT; Chuyên môn, tổ khối đã tổ chức các hoạt động chuyên đề sinh hoạt chuyên môn để vận dụng đổi mới các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học theo hướng phát triển phẩm chất năng lực của học sinh học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H5-5.2-04].

Thực hiện đánh giá HS tiểu học theo quy định tại Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đối với lớp 4, 5 và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 1, 2, 3 [H5-5.5-02].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện xây dựng thời khóa biểu; duyệt các kế hoạch dạy học các môn học của tổ chuyên môn; thực hiện sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề; thực hiện tăng cường Tiếng Việt cho học sinh; ...[H5-5.2-01], [H5-5.2-04], [H5-5.2-02], [H5-5.2-03].

Căn cứ vào tình hình thực tế tại nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng "Kế hoạch phụ đạo HS khó khăn về học tập, bồi dưỡng HS năng khiếu" nhằm giúp đỡ HS hoàn thành chương trình lớp học, rèn luyện HS có năng khiếu trong học tập [H5-5.2-02], [H5-5.2-03].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường có phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và học sinh nhưng còn chung chung, chưa cụ thể, chưa bài bản và chưa dành nhiều thời gian cho vấn đề này.

2. Điểm mạnh

Thực hiện tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục; Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường; Thực hiện đúng quy định về đánh giá HS tiểu học; Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS; Phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện Hoạt động trải nghiệm khó tổ chức đồng đều giữa các điểm trường. Chưa thực hiện tốt việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần phân tích, đánh giá và phân công cụ thể, linh hoạt hơn, để tổ chức hoạt động trải nghiệm được tương đối đồng đều giữa các điểm trường. Cần thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các hoạt động giáo dục như: kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, hoạt động múa hát sân trường, Ngày hội vui khỏe, thể dục thể thao; thăm hỏi các gia đình có công với Cách mạng; vẽ tranh cổ động bảo vệ môi trường; lao động công ích của nhà trường được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch đã đề [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo tất cả HS được tham gia [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

Mức 2:

Các hoạt động giáo dục được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho HS tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo [H5-5.3-02].

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục chưa đảm bảo sự phân hóa theo nhu cầu và năng lực sở trường của HS.

2. Điểm mạnh

Thực hiện các hoạt động giáo dục khác: Đảm bảo theo kế hoạch; nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường; đảm bảo cho tất cả HS được tham gia.

3. Điểm yếu

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục chưa đảm bảo sự phân hóa theo nhu cầu và năng lực sở trường của HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các đoàn thể trong trường như Đội thiếu niên, Đoàn thanh niên, Giáo viên chủ

nhiệm, ... cần có sự phối hợp để tìm hiểu, nắm bắt sở thích, sở trường và sự hứng thú của học sinh, từ đó đưa ra Nội dung và Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo sự phân hóa theo nhu cầu và năng lực sở trường của HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- c) - Quản lý hồ sơ. - Số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công của ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp xã [H5-5.4-02].

Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, phối hợp với địa phương để tuyên truyền vận động trẻ em trong độ tuổi đến trường. Kết quả huy động 100% trẻ 6 tuổi (sinh năm 2016) vào lớp 1 [H5-5.4-01].

Nhà trường quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt 100% [H5-5.4-01].

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt 100% [H5-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục đảm bảo theo sự phân công của Ban chỉ đạo PCGD cấp xã; Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt 100% vượt 2% so với quy định; Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

3. Điểm yếu

Công tác phổ cập giáo dục cho đến thời điểm đánh giá chưa có điểm yếu tồn tại nào.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy những điểm mạnh đã đạt được của những năm trước.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;

- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tỷ lệ HS lên lớp hằng năm của nhà trường duy trì tỉ lệ 97 % [H5-5.5-01], [H5-5.5-02].

Trong 5 năm qua, tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học duy trì mức đạt 95% [H5-5.5-02].

Trong 5 năm qua, tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% vượt mức 20 % [H5-5.5-02], [H5-5.5-01].

Mức 2:

Trong 5 năm qua, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học của nhà trường duy trì mức đạt 97%.

Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong 5 năm qua luôn đạt 95%; Các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học [H5-5.5-02], [H5-5.5-01].

Mức 3:

Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hằng năm luôn đạt trên 95% [H5-5.5-02].

Hằng năm tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 95% [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua, tỷ lệ HS của nhà trường lên lớp thẳng đạt 97%; tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ chưa hoàn thành chương hoàn thành chương trình lớp học ở lớp đầu cấp còn cao hơn so với các khối lớp khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng học sinh nhất là khối lớp 1.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục và Kế hoạch giáo dục đảm bảo theo quy định, đạt mục tiêu giáo dục toàn diện; nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo quy định; giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật, quy trình dạy học phát huy năng lực, phẩm chất dạy học; dạy đủ các môn học và đảm bảo mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3 và yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với lớp 4, 5. Xây dựng đủ các kế hoạch theo quy định và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi của địa phương; huy động trẻ trong độ tuổi đi học đạt kết quả cao. HS nghèo, HS khuyết tật được hỗ trợ kịp thời để giúp các em có điều kiện đến lớp.

Chất lượng và hiệu quả đào tạo của nhà trường được ổn định và tăng dần hàng năm.

Tổ chức tổ các hoạt động chăm sóc, giáo dục thể chất, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho HS.

Thực hiện tốt công tác giáo dục rèn kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi của HS; HS được tạo cơ hội tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.

Điểm yếu:

Việc giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho HS còn hạn chế ở nội dung và hình thức. Nhà trường và Liên đội chưa tổ chức được các hoạt động ngoại khóa với các nội dung, tìm hiểu thực tế ngoài địa phương để mở rộng vốn hiểu biết cho HS.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 2/5 (1/4) tiêu chí chiếm 40 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ yếu xây dựng dựa trên tình hình thực tế của địa phương, chỉ áp dụng thực hiện dạy học theo Mô hình trường học mới và dạy học môn Mĩ thuật theo phương pháp Đan Mạch. Nhà trường chưa đi sâu vào Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

2. Điểm mạnh

Trường có xây dựng kế hoạch giáo dục đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của địa phương.

3. Điểm yếu

Chưa tham khảo những nội dung Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phấn đấu đến năm 2025, trường tham khảo những nội dung Chương trình giáo dục tiên tiến đưa vào việc xây dựng kế hoạch giáo dục trong nhà trường nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phối hợp cùng với các tổ chức, cá nhân kịp thời hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn đến lớp và khen thưởng HS có năng khiếu đạt thành tích trong các phong trào, thường xuyên trao đổi với CMHS về tình hình học tập của các em nhằm giúp đỡ các em hoàn thành tốt chương trình học tập. Từ đó, tỷ lệ học sinh hoàn thành mục tiêu giáo dục của trường hằng năm đạt 97%.

2. Điểm mạnh

Đảm bảo 97% cho học sinh gặp khó khăn trong học tập, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.

3. Điểm yếu

Chưa đảm bảo 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức, cá nhân kịp thời hỗ trợ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có thư viện đạt chuẩn theo Quyết định 01 của Bộ GD-ĐT. Có nguồn tài liệu truyền thống đáp ứng cho hoạt động giáo dục trong nhà trường. Tuy nhiên, trường chưa trang bị được máy vi tính có kết nối Internet để GV và HS tìm tài liệu tham khảo trực tuyến.

2. Điểm mạnh

Trường có thư viện đạt chuẩn theo Quyết định 01 của Bộ GD-ĐT.

3. Điểm yếu

Chưa trang bị được máy vi tính để GV và HS tìm tài liệu tham khảo trực tuyến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phấn đấu đến năm 2025, nhà trường tham mưu với lãnh đạo Phòng GD-ĐT trang bị thêm máy vi tính cho thư viện để GV và HS tìm các nguồn tài liệu số phong phú hơn, đồng thời phấn đấu đạt thư viện tiên tiến.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trường có xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2025. Tính đến thời điểm hiện tại, trường đã thực hiện tương đối hoàn thành các mục tiêu chiến lược về chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh, chất lượng cơ sở vật chất. Tuy nhiên, về cơ sở vật chất vẫn còn thiếu một số phòng học riêng biệt như: phòng ngoại ngữ,...

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện đảm bảo các mục tiêu chiến lược cụ thể đã đề ra trong kế hoạch phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Công tác tổ chức các hoạt động giáo dục chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục chủ động rà soát, lập kế hoạch tổ chức các HĐGD nhất là các hoạt động trải nghiệm phù hợp điều kiện thực tế giai đoạn 2023 - 2027 và những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến. Tuy nhiên, các phong trào, các hội thi cấp huyện, tỉnh kết quả đạt tỷ lệ chưa cao. Chưa được các cấp thẩm quyền và cộng đồng công nhận vượt trội so với các trường tương đồng.

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Các hoạt động phong trào, hội thi các cấp đạt kết quả chưa cao.

Chưa được các cấp thẩm quyền và cộng đồng công nhận vượt trội so với các trường tương đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo, nhà trường chú trọng đến các hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ, đẩy mạnh phong trào đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động khác.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận:

- Điểm mạnh nổi bật:

97% học sinh gặp khó khăn trong học tập, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.

Thư viện trường có trang bị máy vi tính được kết nối Internet để quản lý hoạt động của thư viện.

Trường thực hiện đảm bảo các mục tiêu chiến lược cụ thể đã đề ra trong kế hoạch

phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

Trường có kết quả giáo dục tăng.

- Điểm yếu cơ bản:

Chưa tham khảo những nội dung Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

Chưa trang bị được máy vi tính để GV và HS tìm tài liệu tham khảo trực tuyến.

Công tác tổ chức các hoạt động giáo dục chưa cao.

Các hoạt động phong trào, hội thi các cấp đạt kết quả chưa cao.

Chưa được các cấp thẩm quyền và cộng đồng công nhận vượt trội so với các trường tương đồng.

- Tự đánh giá:

Số lượng tiêu chí đạt Mức 4: 0/5

Số lượng tiêu chí không đạt Mức 4: 5/5

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
- Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
- Không đạt: 0/27 chiếm 0 %
- Đạt Mức 1: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: (8/27) (1/19) tiêu chí chiếm 29.6 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
- Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ giáo dục và Đào tạo, TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ GIA TỰ tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ GIA TỰ tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông
- Phòng Giáo dục và Đào tạo Đắk Song
- Lưu: VT, PHTHPT-KĐ

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



(Handwritten signature)

Trần Đăng Quân

DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

(Kèm theo Báo cáo số: 11/BC-NGT ngày 17 tháng 4 năm 2023)

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (đường dẫn nếu có)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Tháng 01/2022	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.1-02]	Sở nghị quyết nhà trường	Tháng 3/2023	Nhà trường	
	3	[H1-1.1-03]	Nghị quyết hội nghị viên chức và người lao động	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Tháng 3/2022	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập hội đồng thi đua, khen thưởng	Tháng 10/2022	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập hội đồng tư vấn.	Tháng 10/2022	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.2-04]	Kế hoạch, Biên bản, Nghị quyết, Quy chế Hội đồng trường	Tháng 9/2022	Chủ tịch Hội đồng trường	

	5	[H1-1.2-05]	Báo cáo tổng kết năm học Hội đồng trường	Tháng 3/2023	Chủ tịch Hội đồng trường	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định chuẩn y Bí thư chi bộ	Tháng 9/2022	Đảng ủy	
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định chuẩn y BCH Công đoàn	Tháng 3/2022	Các đoàn thể	
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định chuẩn y kết quả đại hội chi đoàn	Tháng 10/2022	Các đoàn thể	
	4	[H1-1.3-04]	Danh sách Ban chỉ huy Liên đội	Tháng 10/2022	Đoàn thể	
	5	[H1-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động của các tổ chức đoàn thể	Tháng 9/2022	Các đoàn thể	
	6	[H1-1.3-06]	Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đoàn thể	Tháng 9/2022	Các đoàn thể	
	7	[H1-1.3-07]	Kết quả xếp loại chi bộ, các tổ chức đoàn thể	Tháng 3/2023	Đảng ủy, Liên đoàn lao động, Đoàn xã, Hội đồng đội	
	8	[H1-1.3-08]	Các hình thức khen thưởng của, chi bộ, các đoàn thể	Tháng 3/2023	Cấp huyện	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng	Tháng 3/2023	UBND huyện	
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	

	3	[H1-1.4-03]	Quyết định thành lập tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ tổ chuyên môn (Kế hoạch, biên bản sinh hoạt)	Tháng 3/2023	Các tổ chuyên môn	
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ tổ văn phòng (Kế hoạch, biên bản sinh hoạt)	Tháng 3/2023	Tổ trưởng tổ văn phòng	
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Quyết định biên chế lớp, học sinh	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.5-02]	Biên bản bầu BCS lớp	Tháng 9/2022	GVCN	
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường	Tháng 3/2023	Kế toán	
	2	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý tài sản, tài chính	Tháng 3/2023	Kế toán	
	3	[H1-1.6-03]	Sổ quản lý công văn đi, đến	Tháng 3/2023	Văn thư	
	4	[H1-1.6-04]	Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường	Tháng 9/2022	Kế toán	
	5	[H1-1.6-05]	Báo cáo quyết toán tài chính	Tháng 3/2023	Kế toán	
	6	[H1-1.6-06]	Hồ sơ 3 công khai	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	7	[H1-1.6-07]	Dự toán được giao hàng năm	Tháng 1/2023	Hiệu trưởng	
	8	[H1-1.6-08]	Kế hoạch tài chính hàng năm	Tháng 1/2023	Hiệu trưởng	

Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên	Tháng 9/2022	Nhà trường	
	2	[H1-1.7-02]	Kết quả Bồi dưỡng thường xuyên	Tháng 3/2023	Nhà trường	
	3	[H1-1.7-03]	Quyết định phân công nhiệm vụ CBQL, GV, NV	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.7-04]	Bảng nhận chế độ lương và các phụ cấp khác.	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.8-03]	Các danh hiệu thi đua của nhà trường	Tháng 3/2023	UBND huyện	
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ, báo cáo thực hiện quy chế dân chủ	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.9-02]	Kế hoạch và biên bản của Ban thanh tra nhân dân	Tháng 3/2023	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân	Tháng 3/2023	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo tổng kết thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
	5	[H1-1.9-05]	Quy chế chuyên môn. Quy chế trường học	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	

Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn, vệ sinh an toàn thực phẩm trường học, PCCC, phòng chống dịch bệnh	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.10-02]	Các bài tuyên truyền về an toàn thực phẩm trường học, PCCC, phòng chống tai nạn thương tích...	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.10-03]	Hòm thư góp ý	Tháng 9/2022	Nhà trường	
	4	[H1-1.10-04]	Số điện thoại đường dây nóng của nhà trường	Tháng 9/2022	Nhà trường	
	5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch y tế	Tháng 9/2022	Y tế	
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ quản lý cán bộ công chức, viên chức	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.1-02]	Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hằng năm	Tháng 3/2023	UBND huyện, PGD&ĐT	
	3	[H2-2.1-03]	Kết quả đánh giá xếp loại người đứng đầu và cấp phó.	Tháng 3/2023	UBND huyện	
	4	[H2-2.1-04]	Công văn triệu tập, tập huấn chuyên môn	Tháng 3/2023	Phòng GD&ĐT	
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Quyết định cử giáo viên làm TPT Đội	Tháng 9/2022	PGD&ĐT	
	2	[H2-2.2-02]	Phân công chuyên môn CB, GV, NV	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	

	3	[H2-2.2-03]	Kết quả đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
	4	[H2-2.2-04]	Quyết định giao biên chế của UBND huyện	Tháng 3/2022	UBND huyện	
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Bản tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hằng năm.	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.3-02]	Giấy chứng nhận chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí việc làm của nhân viên.	Tháng 3/2023		
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Sổ đăng bộ	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.4-02]	Học bạ học sinh	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
	3	[H2-2.4-03]	Danh sách nhận học bổng theo các chương trình.	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Sơ đồ tổng thể và từng khu của nhà trường	Tháng 9/2022	Nhà trường	
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh khuôn viên, sân chơi, bãi tập	Tháng 3/2023	Nhà trường	
	3	[H3-3.1-03]	Giấy chứng nhận quyền quản lý sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc	Tháng 3/2022	UBND huyện	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh phòng học	Tháng 3/2023	Nhà trường	

	2	[H3-3.2-02]	Hồ sơ xây dựng	Tháng 9/2022	Nhà trường	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khu để xe	Tháng 3/2023	Nhà trường	
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh tủ lưu trữ hồ sơ	Tháng 3/2023	Nhóm tiêu chuẩn 3	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Phiếu kết quả thử nghiệm nước sạch	Tháng 3/2023	Nhà trường	
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh hệ thống thu gom rác	Tháng 3/2023	Nhà trường	
	3	[H3-3.4-03]	Hình ảnh hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước	Tháng 3/2023	Nhóm tiêu chuẩn 3	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục các thiết bị dạy học các năm	Tháng 3/ 2023	Phó hiệu trưởng	
	2	[H3-3.5-02]	Bảng kiểm kê thiết bị dạy học các năm	Tháng 3/2023	Thiết bị - thư viện	
	3	[H3-3.5-03]	Kế hoạch mua sắm, bổ sung thiết bị	Tháng 5/2022	Hiệu trưởng	
	4	[H3-3.5-04]	Danh mục thiết bị dạy học giáo viên tự làm	Tháng 9/2022	Nhà trường	
	5	[H3-3.5-05]	Báo cáo thiết bị	Tháng 9/2022	Nhân viên thiết bị	
	6	[H3-3.5-06]	Sổ theo dõi việc mượn đồ dùng dạy học	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hồ sơ thư viện	Tháng 9/2022	Nhân viên thư viện	
	2	[H3-3.6-02]	Giấy chứng nhận thư viện đạt chuẩn	Tháng 9/2022	UBND huyện	

Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Biên bản họp phụ huynh các lớp	Tháng 3/2023	Nhà trường	
	2	[H4-4.1-02]	Quy chế hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh	Tháng 9/2022	Hội phụ huynh	
	3	[H4-4.1-03]	Kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh	Tháng 9/2022	Ban đại diện cha mẹ học sinh	
	4	[H4-4.1-04]	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Tháng 3/2023	Hội cha mẹ học sinh	
	5	[H4-4.1-05]	Biên bản họp giữa ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường	Tháng 3/2023	Hội cha mẹ học sinh	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Kế hoạch huy động các khoản đóng góp của phụ huynh	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	2	[H4-4.2-02]	Hình ảnh về hoạt động đền ơn đáp nghĩa	Tháng 3/2023	UBND huyện	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Kế hoạch giáo dục nhà trường	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.1-02]	Báo cáo tổng kết năm học, phương hướng nhiệm vụ năm học tiếp theo	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
	3	[H5-5.1-03]	Lịch báo giảng của tổ chuyên môn	Tháng 3/2023	Tổ chuyên môn	
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Kế hoạch dạy học của giáo viên	Tháng 3/2023	Giáo viên Giáo viên	

	2	[H5-5.2-02]	Kế hoạch bồi dưỡng và phụ đạo học sinh	Tháng 9/2022	Tổ chuyên môn	
	3	[H5-5.2-03]	Hồ sơ các câu lạc bộ	Tháng 9/2022	Hiệu trưởng	
	4	[H5-5.2-04]	Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, theo dõi chất lượng học sinh	Tháng 3/2023	Giáo viên	
	5	[H5-5.2-05]	Thời khoá biểu	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Các kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa	Tháng 9/2022	TPT Đội	
	2	[H5-5.3-02]	Hình ảnh tổ chức các hoạt động trải nghiệm	Tháng 3/2023	Nhà trường	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Quyết định phê duyệt tuyển sinh vào lớp 1	Tháng 9/2022	PGD	
	2	[H5-5.4-02]	Hồ sơ phổ cập giáo dục	Tháng 3/2023	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Phần mềm cơ sở dữ liệu	Tháng 3/2023	Hiệu trưởng	
	2	[H5-5.5-02]	Bảng tổng hợp kết quả giáo dục	Tháng 3/2023	GVCN	

